

TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG

Tuần 45, 14/11/2025

Quay lại vùng giao dịch 1,600–1,700

Tiêu điểm:

- Từ ngày 12–14/11, Việt Nam và Mỹ tiếp tục đàm phán kỹ thuật Hiệp định Thương mại đối ứng.
- Trong 10 tháng năm 2025, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt trên 21 tỷ USD, tăng 8.8% so với cùng kỳ năm 2024. Đây là mức giải ngân FDI cao nhất của giai đoạn 10 tháng trong 5 năm qua.
- Bộ Xây dựng: Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công trong 2 tháng cuối năm.
- Quốc hội “chốt” mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2026 từ 10% trở lên.

Đánh giá: Trong tuần qua, thị trường phần nào cải thiện về mặt tâm lý nhưng thanh khoản và diễn biến chỉ số vẫn chưa rõ rệt. Mặc dù còn hơi sớm để xác nhận, nhưng chúng tôi kỳ vọng quá trình tạo đáy trung dài hạn của thị trường đang diễn ra, chuẩn bị cho đà tăng tiếp theo vào năm 2026. Bối cảnh vĩ mô không xuất hiện yếu tố tiêu cực mới. Nhiều nhóm ngành đã chiết khấu 20–30% từ đỉnh như ngân hàng, chứng khoán, bất động sản,... tạo ra cơ hội tích lũy cổ phiếu ở vùng giá hấp dẫn.

Góc nhìn kỹ thuật: VN-Index đóng cửa tuần tại 1,635.46 (+36.3 điểm; +2.27%) với thanh khoản thấp. Chỉ số đã quay lại vùng giao dịch 1,600–1,700. Tuy nhiên, tuần tăng điểm này vẫn chưa đóng nến vượt cây nến giảm mạnh của tuần trước (vùng 1,660 điểm), cho thấy lực cầu còn yếu; vì vậy tuần này chủ yếu mang ý nghĩa hồi phục kỹ thuật. Chúng tôi nhận thấy tuần sau thị trường có thể chịu áp lực bán mạnh hơn khi giá tiến về vùng 1,660.

Ý tưởng đầu tư: Nhà đầu tư theo trường phái trading nên hạn chế giao dịch, chờ tín hiệu lực cầu quay trở lại và hình thành nền giá mới. Nhà đầu tư trung và dài hạn có thể bắt đầu giải ngân từng phần vào các nhóm cổ phiếu có kết quả kinh doanh tốt và mức chiết khấu đủ hấp dẫn như ngân hàng, tài chính, vật liệu xây dựng...

Dữ liệu thị trường tuần		% Thay đổi					Định giá		
Tên chỉ số	Giá đóng cửa	1W	1M	3M	YTD	Xu hướng	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ USD)
VN-Index	1,635	2.3	-7.1	-0.3	29.1		15.8	1.9	274
Upcom Index	120	2.9	6.1	9.2	26.3		12.6	1.3	35
HNX Index	268	2.9	-2.8	-6.2	17.7		24.4	1.5	16
VN30 Index	1,872	2.6	-7.1	4.3	39.2		16.0	2.2	192
S&P 500 Index	6,737	0.1	1.4	4.2	14.6		28.0	5.5	59,570
STOXX Europe 600 Index	576	2.0	2.0	4.0	13.5		16.7	2.3	17,487
Hang Seng	26,572	1.3	4.4	4.1	32.5		13.3	1.4	4,219
Nikkei 225	50,377	0.2	7.5	18.1	26.3		22.6	2.6	5,591
SHCOMP Index	3,990	-0.2	3.2	8.8	19.1		1.6	1.6	8,969
STI Index	4,539	1.0	4.2	6.6	19.8		13.8	1.5	527
KOSPI Index	4,012	1.5	12.6	24.4	67.2		17.1	1.4	2,287

Nguồn: Bloomberg



Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Nam Hoàng

(84-28) 5808 7603

✉ nam.h@shinhan.com

Theo dõi Zalo của SSV,
Cập nhật báo cáo mới nhất



Bấm vào hình hoặc quét QR

WEEKLY SNAPSHOT

Theo vốn hóa và ngành

	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
Giá trị vốn hóa	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Large Cap	2.4	-5.4	2.1	42.4	-17.2	-36.4	-41.2	-18.1	89.3	0.8	16.8	2.3	6,642,954
Mid Cap	1.2	-2.9	-8.1	7.1	-24.3	-35.2	-50.4	-43.6	10.1	-0.9	16.9	1.4	527,172
Small Cap	0.8	-1.2	-4.8	4.3	-7.6	-10.4	-39.8	-39.7	0.6	0.1	22.5	0.8	67,388

Theo ngành	% Thay đổi GTGD				% Tỷ trọng GTGD				Định giá				
Tên ngành	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	Current	Change	P/E	P/B	Vốn hóa (Tỷ VND)
Bán lẻ	5.8	-2.2	13.4	24.9	-23.6	-35.5	-37.5	-22.7	3.0	-0.2	33.6	4.3	162,495
Bảo hiểm	4.6	4.1	-10.9	6.8	-45.8	-14.7	-35.0	-20.4	0.2	-0.1	16.5	1.7	54,643
Thực phẩm và đồ uống	4.1	-1.7	-1.4	5.3	-6.7	-28.6	-33.3	-17.5	7.2	0.9	19.2	2.6	445,223
Bất động sản	3.9	-9.3	24.9	139.4	-20.9	-44.1	-42.0	-19.5	17.4	-0.5	33.2	2.7	1,679,244
Tài chính	3.3	-17.2	-16.3	31.1	-17.8	-35.2	-41.9	-18.5	16.2	0.0	24.4	1.9	270,255
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	2.9	-2.7	0.6	47.9	-18.9	-40.9	-26.7	-8.8	6.8	-0.1	20.1	2.5	252,111
Tài nguyên cơ bản	2.8	-4.4	-4.5	15.1	6.5	-18.0	-47.6	-23.0	6.2	1.4	17.4	1.6	250,956
Hóa chất	2.8	1.8	-9.5	-6.2	-13.6	1.5	-9.6	-21.6	3.0	0.2	18.5	1.9	216,947
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.7	4.0	2.8	-8.7	-11.4	-30.2	-24.0	-38.7	0.6	0.0	12.7	1.7	57,807
Xây dựng và vật liệu	2.5	-3.3	-7.7	21.5	-28.5	-44.0	-52.2	-32.2	5.1	-0.7	20.7	1.7	155,050
Ô tô & Phụ tùng	1.7	-4.0	-2.1	23.8	-37.3	-61.0	-72.3	-70.8	0.2	-0.1	22.8	1.4	18,077
Dầu khí	1.5	-1.6	-6.0	125.7	-14.6	19.3	-0.6	46.9	2.8	0.1	39.4	1.7	138,794
Ngân hàng	1.4	-8.8	-8.7	21.1	-14.0	-37.4	-50.3	-28.5	24.3	1.2	10.7	1.8	2,549,979
Truyền thông	0.8	-9.9	-22.5	-5.5	-19.9	-42.3	-68.6	-75.8	0.1	0.0	18.1	1.4	2,779
Tiện ích	0.4	2.2	-6.5	-1.2	-23.6	-15.0	-36.6	-32.6	1.0	-0.1	6.9	1.9	288,066
Dược và Y tế	-0.2	-0.4	-0.4	-2.4	-27.2	0.6	14.0	-2.1	0.3	0.0	18.1	2.2	39,401
Công nghệ Thông tin	-1.0	7.6	-1.3	-22.8	-47.1	-48.5	-44.0	-30.5	3.5	-1.9	21.7	4.6	187,362
Du lịch và Giải trí	-1.1	-9.0	-2.9	149.5	-17.5	-35.1	-17.6	30.3	2.1	0.0	26.0	7.3	323,839

Nguồn: ICB cấp 2 - Fiinpro, Bloomberg

WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Quốc gia	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n.a	20,370	68,829	96,225
Ấn độ	-374	-63	1,191	-16,262
Indonesia	234	441	1,224	-2,084
Nhật Bản*	-2,264	-2,264	45,293	40,934
Mayaysia	123	103	-544	-4,287
Hàn Quốc	-1,378	-6,427	-2,219	-3,026
Sri Lanka	-4	-8	-27	-116
Đài Loan	-1,029	-4,588	-7,018	258
Thái Lan	-152	-191	-327	-3,208
Việt Nam	-61	-140	-982	-4,708

*Trung Quốc: Số liệu có độ trễ 1 quý, Nhật Bản: Số liệu có độ trễ 1 tuần.

Nguồn: Bloomberg

Tên ETF	Tài sản (Triệu USD)	Dòng vốn ròng (Triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	2,622	-1.0	-12.8	-139.2	-495.1
Nước ngoài	1,811	-1.3	-10.9	-95.6	-367.3
VanEck Vectors Vietnam ETF	553	0.0	3.9	-9.7	-45.1
Fubon FTSE Vietnam ETF	451	0.0	-9.6	-115.8	-321.9
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	188	0.0	0.0	0.0	-1.4
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	336	-1.3	-4.6	-7.0	-35.8
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	265	0.0	0.0	46.0	46.0
Premia MSCI Vietnam ETF	6	0.0	-0.7	-9.1	-9.1
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	10	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	811	0.3	-1.9	-43.5	-127.8
DCVFMVN Diamond ETF	502	0.0	0.0	0.0	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	222	0.1	-1.9	-35.3	-115.3
SSIAM VNFIN LEAD ETF	19	0.2	0.2	0.9	-4.4
MAFN VN30 ETF	32	-0.2	-0.4	-9.0	-6.0
SSIAM VN50 ETF	5	0.0	0.0	-0.2	-1.2
VinaCapital VN100 ETF	23	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	8	0.1	0.3	0.1	-0.9

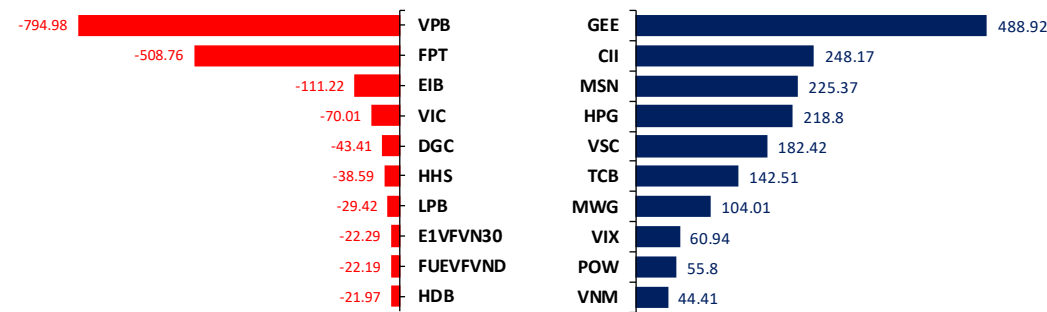
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Chú thích:
WTD: từ đầu tuần
MTD: từ đầu tháng
QTD: từ đầu quý
YTD: từ đầu năm

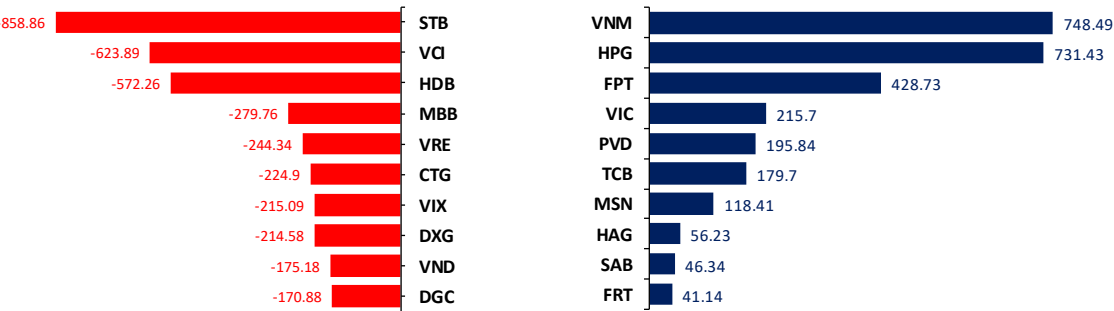
WEEKLY SNAPSHOT

Sự dịch chuyển của dòng vốn & Giao dịch giữa các nhóm nhà đầu tư

Top mua bán ròng của tự doanh CTCK (tỷ VND)



Top mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Giao dịch ròng trong tuần của tự doanh và các nhà đầu tư theo nhóm ngành (tỷ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh (tỷ VND)	Nước ngoài (tỷ VND)	Cá nhân trong nước (tỷ VND)	Tổ chức trong nước (tỷ VND)
Bất động sản	-50	-241	24	218
Tài nguyên Cơ bản	215	554	-571	17
Truyền thông	0	1	0	-1
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	184	-168	60	108
Y tế	0	-3	-7	10
Hóa chất	-40	-141	183	-42
Dịch vụ tài chính	4	-843	334	509
Du lịch và Giải trí	-19	-62	71	-9
Ngân hàng	-787	-1,688	1,358	330
Xây dựng và Vật liệu	244	-46	-257	303
Thực phẩm và đồ uống	266	700	-613	-87
Bán lẻ	104	110	-86	-24
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	54	3	228	-231
Hàng cá nhân & Gia dụng	-2	0	-1	1
Công nghệ Thông tin	-502	333	72	-405
Ô tô và phụ tùng	-42	-17	72	-56
Bảo hiểm	-3	-12	-9	22
Dầu khí	4	72	-49	-22
Tổng	-370	-1,449	809	640

Nguồn: Fiinpro, Shinhan Securities Vietnam

Không bao gồm giá trị giao dịch thỏa thuận

Ghi chú: Dữ liệu chưa bao gồm phiên thứ 6 trong tuần

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

HSX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	CCI	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	14.95 - 125.90	25.6	-10.8%
2	JVC	Y tế	2.95 - 9.10	7.2	-10.0%
3	ICT	Công nghệ Thông tin	11.30 - 27.35	22.0	-8.1%
4	HNA	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	17.80 - 33.80	22.0	-5.6%
5	DAT	Thực phẩm và đồ uống	2.89 - 16.45	8.6	-5.5%

* Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
34.4%	5.4	2.33 - 5.35	Xây dựng và Vật liệu	HID
26.6%	16.0	8.90 - 22.90	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	VTB
24.7%	25.0	15.20 - 57.30	Xây dựng và Vật liệu	C32
12.9%	17.5	14.10 - 26.80	Xây dựng và Vật liệu	CCC
11.7%	25.0	9.78 - 14.95	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	SBG

HNX

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	SGC	Thực phẩm và đồ uống	79.10 - 149.90	79.1	-13.9%
2	NAP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	7.50 - 17.20	10.9	-11.4%
3	KKC	Tài nguyên Cơ bản	5.40 - 8.50	5.4	-10.0%
4	DNC	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46.88 - 68.00	49.5	-10.0%
5	CET	Hàng cá nhân & Gia dụng	3.80 - 14.90	9.9	-10.0%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
17.0%	27.5	10.50 - 27.50	Du lịch và Giải trí	ATS
15.3%	18.8	11.40 - 20.50	Xây dựng và Vật liệu	KDM
13.9%	18.0	11.20 - 22.00	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	MAC
13.9%	90.0	46.30 - 92.00	Bảo hiểm	PVI
12.4%	42.7	26.87 - 50.26	Bất động sản	IDC

Upcom

Top 5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

TT	Mã CP	Ngành	52 Tuần	Giá đóng cửa	% Thay đổi
1	RCC	Xây dựng và Vật liệu	12.80 - 37.20	21.1	-35.1%
2	BHK	Thực phẩm và đồ uống	11.80 - 19.50	11.8	-26.7%
3	HPW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.10 - 30.00	19.8	-26.7%
4	IHK	Tiêu dùng không thiết yếu	10.70 - 23.10	10.7	-23.0%
5	LUT	Xây dựng và Vật liệu	4.60 - 11.20	7.0	-22.2%

Top 5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

% Thay đổi	Giá đóng cửa	52 Tuần	Ngành	Mã CP
68.6%	31.2	14.00 - 36.50	Hóa chất	BQP
62.7%	9.6	5.90 - 13.60	Xây dựng và Vật liệu	DKG
60.7%	50.3	12.20 - 50.30	Xây dựng và Vật liệu	TVH
42.9%	24.0	12.00 - 24.00	Thực phẩm và đồ uống	HHB
42.5%	12.4	7.20 - 12.90	Xây dựng và Vật liệu	CT6

Nguồn: Bloomberg, Đvt: nghìn đồng

WEEKLY SNAPSHOT

Top cổ phiếu đáng chú ý

Top 10 cổ phiếu có giá trị giao dịch thay đổi đột biến so với tuần liền trước

STT	Mã	Tên công ty	Ngành	Giá trị giao dịch		Giá (nghìn VND)	Giá cổ phiếu	
				TB Ngày (Triệu VND)	%1W		Biến động 52 tuần	%1W
1	LBM	Khoáng sản Lâm Đồng	Xây dựng và Vật liệu	741.4	136.9	38.5	3.65 - 5.73	7.3
2	TV2	Tư vấn XD Điện 2	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	4,804.5	117.2	36.0	27.30 - 43.70	5.0
3	TDP	Công ty Thuận Đức	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1,991.3	106.8	29.3	28.00 - 37.10	-2.8
4	HHP	Giấy Hoàng Hà Hải Phòng	Tài nguyên Cơ bản	21,074.2	93.8	12.3	7.71 - 13.50	3.4
5	GEE	Thiết bị điện GELEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	78,956.4	89.6	174.0	24.25 - 192.00	5.6
6	VNM	Chứng khoán DNSE	Thực phẩm và đồ uống	320,026.4	88.0	62.8	51.40 - 66.20	9.0
7	BCM	Becamex IDC	Bất động sản	16,531.5	58.4	67.5	49.80 - 82.40	-0.7
8	NVL	Đầu tư Địa ốc No Va (Novaland)	Bất động sản	143,496.7	55.4	14.2	7.88 - 19.30	8.8
9	CDC	Chương Dương Corp	Xây dựng và Vật liệu	9,198.2	51.2	27.9	10.41 - 30.00	2.6
10	LIX	Bột giặt LIX	Hàng cá nhân & Gia dụng	581.6	47.1	35.5	25.30 - 37.50	6.4

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam - Thống kê đối với các mã có vốn hóa trên 2,000 tỷ VND

WEEKLY SNAPSHOT

Những dữ liệu vĩ mô khác

Tỷ giá

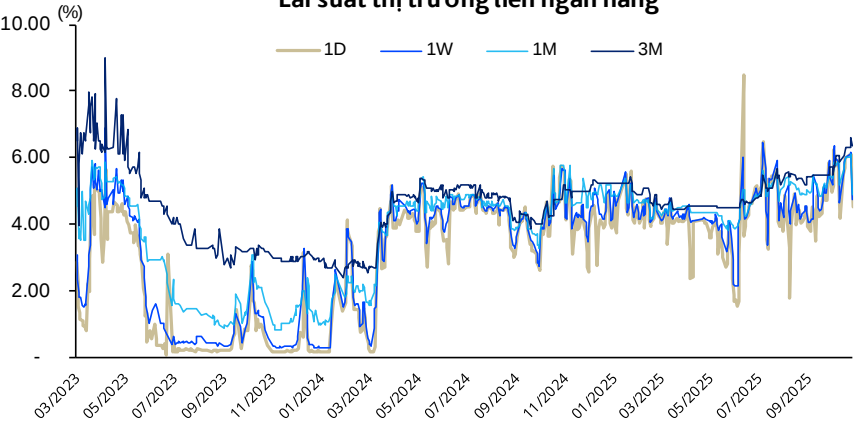
		Giá	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dollar index	99.25	-0.4	0.2	1.0	-8.5	
	VND/USD	26,349	0.1	0.0	0.3	3.4	
	KRW/USD	1,458.10	-0.2	2.1	4.9	-0.9	
	JPY/USD	154.66	0.8	1.9	4.7	-1.6	
	EUR/USD	0.86	-0.5	-0.2	0.2	-11.0	
	SGD/USD	1.30	0.0	0.2	1.3	-4.7	
	CNY/USD	7.10	-0.3	-0.5	-1.2	-2.8	

Hàng hóa

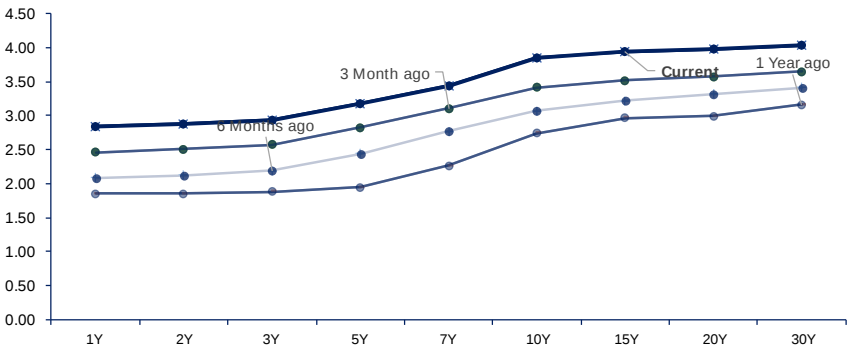
		Giá (USD)	%1W	%1M	%3M	%YTD	Xu hướng
	Dầu thô	59.41	-0.6	1.2	-7.1	-17.2	
	Xăng	197.29	1.7	7.9	-6.5	-1.4	
	Gas	4.55	5.4	50.1	60.0	25.1	
	Than	109.55	-1.0	4.9	-2.0	-12.5	
	Vàng	4,176.84	4.4	0.8	25.2	59.1	
	Bạc	52.79	9.2	2.6	38.9	82.7	
	Platinum	1,575.79	1.9	-3.6	15.9	73.6	
	Quặng sắt	104.05	-1.0	-2.3	2.0	0.4	
	Thép cán	3,281.00	-0.2	-1.5	-6.2	-5.5	
	Lúa mì	539.00	2.1	7.7	7.1	-2.3	
	Ngô	441.50	3.3	6.9	17.7	-3.7	

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Lãi suất thị trường liên ngân hàng



Đường cong lãi suất trái phiếu chính phủ Việt Nam (%)



TG đáo hạn	1 Yr	2 Yrs	3 Yrs	5 Yrs	7 Yrs	10 Yrs	15 Yrs	20 Yrs	30 Yrs
Lãi suất	2.84	2.88	2.93	3.18	3.44	3.86	3.94	3.52	3.22
Thay đổi (WoW)	4.60	3.70	2.30	1.20	0.50	1.90	2.80	6.70	5.80

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

WEEKLY SNAPSHOT

Danh sách cổ phiếu theo dõi

Danh sách theo dõi

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	ACB	24.95	27	24	8.2%	ACB giảm ít hơn thị trường chung trước thông tin về TPDN, cũng như sự ổn định trong HDKD của ngân hàng, phù hợp cho nhà đầu tư nắm giữ trung dài hạn
2	KDH	34.65	38.9	34	12.3%	KQKD tăng trưởng mạnh mẽ trong Q3 2025. Dòng tiền tham gia mạnh mẽ có động lượng mạnh hơn thị trường chung
3	PDR	22.2	25.6	22.7	15.3%	Kí vọng KQKD tăng trưởng mạnh mẽ trong 2025. PDR sau giai đoạn tích lũy có dấu hiệu tham gia của dòng tiền lớn
4	FPT	100	112	96	12.0%	Khối ngoại tham gia mua ròng mạnh, cổ phiếu đã chiết khấu sâu và tích lũy chặt từ đầu năm

Mạng lưới Shinhan Investment

SEOUL

Shinhan Securities Co., Ltd
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd,
18th Floor. The Mett Tower. 15 Tran Bach Dang. Thu Thiem Ward.
Thu Duc City. Ho Chi Minh City. Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To,
Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District,
Hanoi, Vietnam.
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ & Miễn trừ trách nhiệm

Thông báo Tuân thủ

- ♦ Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lý nào từ bên ngoài.
- ♦ Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- ♦ Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- ♦ Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- ♦ Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- ♦ Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- ♦ Bản quyền © 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.